

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐD
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 38/2020/HS-ST

Ngày: 17 - 8 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN HUYỆN ĐD, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Lm

2. Ông Vũ Văn Công – giáo viên trường THCS Ka Đô;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Ngọc L**, sinh ngày 20/6/1991 tại NT; Nơi cư trú: 150/4/01 đường 21 tháng 8, thành phố PR, tỉnh NT; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: lớp 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm C, sinh năm: 1962 và bà Đinh Thị H, sinh năm: 1964; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm: 1989 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013 và con nhỏ nhất sinh năm 2018; Có 01 tiền án: vào ngày 23/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện BA, tỉnh NT xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 07/8/2012 đã chấp hành xong hình phạt chính và án phí, chưa chấp hành xong phần bồi thường thiệt hại dân sự, hiện chưa được xóa án tích;

Nhân thân: Ngày 25/12/2001 bị chủ tịch UBND phường PM, thành phố PR, tỉnh NT quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời gian là 06 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong; Ngày 03/12/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh NT xử phạt 03 năm 07 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, đã được xóa án tích; Ngày 26/8/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố PR, tỉnh NT xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã được xóa án tích; ngày 23/11/2016 bị trưởng công an phường PM, Tp. Phan Rang Tháp Chàm xử phạt 2.500.000đ về hành vi “Cất giấu dao trong người nhằm mục đích

gây rối trật tự công cộng”; Ngày 18/4/2017 bị trưởng công an phường PM, Tp. PR xử phạt 300.000đ về hành vi “Có cử chỉ, lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác”; Ngày 22/05/2017 bị chủ tịch UBND phường PM, thành phố PR, tỉnh NT quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời gian là 03 tháng về hành vi “Có cử chỉ, lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác”. Bị cáo đã chấp hành xong ngày 22/7/2017;

Bị bắt, tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện ĐD từ ngày 12/12/2019 cho đến nay. Có mặt.

2. **Nguyễn Thế P** (Cu chó), sinh ngày 25/4/1994 tại NT; Nơi cư trú: Khu phố 2, phường ĐS, Tp. PR, tỉnh NT; nghề nghiệp: buôn bán phế liệu; trình độ văn hóa: lớp 05/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; con ông Nguyễn Thế Ph, sinh năm: 1957 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1959; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Kim P1 và có 01 con sinh năm 2019; Có 01 tiền án: Ngày 13/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố PR xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm, đã chấp hành xong hình phạt ngày 27/12/2018, chưa được xóa án tích; Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 24/02/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố PR, tỉnh NT xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”, đã được xóa án tích; Ngày 26/01/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố PR, tỉnh NT xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích; Ngày 30/03/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh NT xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã được xóa án tích;

Bị bắt, tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 12/12/2019 cho đến nay. Có mặt.

3. **Phan Trường T**, sinh ngày 17/01/1986 tại SH, PY; Nơi cư trú: Tổ 7, Lô 72, thôn ĐL, xã VT, Tp. NT, tỉnh KH; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn S (đã chết) và bà Trần Thị Minh C, sinh năm: 1964; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Ca Thị M, sinh năm: 1990 và 01 con sinh năm 2008; Tiền sự: không; Có 02 tiền án: ngày 31/8/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh KH xử phạt 42 tháng tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/8/2006 nhưng chưa chấp hành xong án phí hình sự nên chưa được xóa án tích; ngày 18/9/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/7/2016 nhưng chưa chấp hành xong án phí hình sự, dân sự nên chưa được xóa án tích;

Nhân thân: ngày 04/02/2004 bị Toà án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích; ngày 19/12/2008 bị Toà án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích;

Bị bắt, tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 29/3/2020 cho đến nay. Có mặt.

4. **Hoàng Long P2**, sinh ngày 07/7/1990 tại NT; Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn PD, huyện NP, tỉnh NT; nghề nghiệp: làm thuê, phụ hồ; trình độ văn hóa: lớp 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Huy T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1960; vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; Có 02 tiền án: ngày 13/01/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh NT xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, Tổng hợp hình phạt của các bản án khác buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm 09 tháng tù về các tội cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích. Ngày 05/5/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích; ngày 14/12/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh NT xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích do chưa đóng án phí.

Nhân thân: ngày 15/11/2004 bị đưa vào Trường giáo dưỡng với thời gian là 24 tháng về hành vi: “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 16/11/2006; ngày 27/11/2007 bị Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh NT xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích; ngày 14/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện tỉnh NT xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích; ngày 20/8/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh NT xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Huỷ hoại tài sản”, đã được xóa án tích; ngày 09/11/2010 bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh NT xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích; ngày 14/12/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh NT xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, đã được xóa án tích;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/12/2019, bị tạm giam từ ngày 18/12/2019 và hiện đang chấp hành hình phạt tại trại giam Sông Cái - Bộ công an cho đến nay. Có mặt.

5. **Đỗ Trọng Đ**, sinh năm 1995 tại NT; Nơi cư trú: Khu phố 4, phường PM, Tp. PR - tỉnh NT; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Võ Thị Kim L, sinh năm: 1975; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thái H và có 01 con chung sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 18/10/2010 bị UBND thành phố PR, tỉnh NT quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng; ngày 26/8/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố PR, tỉnh NT xử phạt 36 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích”. Đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện ĐD từ ngày 03/02/2020 cho đến nay. Có mặt.

6. **Lê Tuấn T1**, sinh ngày 06/8/2003 tại NT; Nơi cư trú: Khu phố 6, phường PM, Tp. PR, tỉnh NT; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: lớp 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Tâm sinh năm 1975 và bà Lê Thị Thùy Tr, sinh năm: 1978; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày

16/12/2019 đến ngày 12/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại tại Khu phố 6, phường PM, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh NT. Có mặt.

Người bị hại:

1. Bà Trương Thị L, sinh năm: 1973; địa chỉ: thôn LLL, xã LL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Nguyễn V, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số 13, đường 2 tháng 4, Tổ dân phố ND, thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Tuấn T1: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1975; địa chỉ: Khu phố 6, Phường PM, Tp. PR, tỉnh NT. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm: 1989; địa chỉ: 150/4/01 đường 21/8 Phường PM, Tp. PR, tỉnh NT. Có mặt.

2. Bà Lê Thị Thùy Tr, sinh năm: 1978; địa chỉ: Khu phố 6, Phường PM, Tp. PR, tỉnh NT. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị Kim L, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Khu phố 5, Phường PM, thành phố PR, tỉnh NT. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm: 1969; Địa chỉ: khu phố 3, Phường Phủ Hà, Tp. PR, tỉnh NT. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Kim P1, sinh năm: 1993; Địa chỉ: khu phố 3, Phường Phủ Hà, Tp. PR, tỉnh NT. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 09/12/2019, bị cáo Phạm Ngọc L gọi điện rủ Đỗ Trọng Đ, Nguyễn Thế P đến địa bàn huyện ĐD tìm nhà người dân có sơ hở để trộm cắp tài sản thì được P và Đ đồng ý. L điều khiển xe ô tô tải BKS 85C-00300 chở Đ và P đến ĐD. Đến trước cửa hàng tạp hóa của bà Trương Thị L thấy khóa cửa. L dừng xe xuống quan sát rồi cùng Đ dùng kim cộng lực màu xanh dài 36cm đã chuẩn bị từ trước cắt ổ khóa cửa hàng của bà Linh vào trong lấy trộm tài sản còn bị cáo P thì leo lên trụ điện phía trước cửa hàng tháo gỡ camera lấy mất đọc camera bỏ lên cabin xe ô tô tải rồi đứng bên ngoài cảnh giới. L và Đ vào quán lấy trộm 11 bao gạo hiệu Liên Hương (loại 25kg/bao) 08 thùng bia Tiger (24 lon/ thùng), 02 thùng bia Sài Gòn (24 lon/thùng); 90 cây thuốc lá hiệu Seven; 07 cây thuốc lá hiệu 555; 50 cây thuốc lá hiệu War horse (10 gói/cây); 35 gói thuốc lá hiệu white orse; 15 gói thuốc lá hiệu Sài gòn vàng; 10 gói thuốc lá hiệu Sài gòn xanh; 05 gói thuốc lá hiệu Cotab; 04 gói thuốc lá hiệu Era; 03 gói thuốc lá hiệu Caraven; 04 chai dầu ăn hiệu Mezan Gold (01 lít/chai); 13 chai dầu ăn hiệu Neptune Gold (02 lít/chai); 01 hộp Yến hiệu Đào

Việt (06 lọ thủy tinh/hộp); 03 hộp Yên Đảo Việt (06 lon nhôm/hộp); 02 thùng sữa hiệu Fami (40 gói/thùng); 09 hộp cà phê gói hiệu Phố (10 gói/hộp); 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia Z3 màu trắng).

Sau khi lấy được các tài sản trên, L và Đ đã bỏ lên thùng xe ô tô tải rồi L điều khiển xe chạy về nhà của L ở NT, trên đường đi các bị cáo vứt bỏ mất đọc camera ở đèo SP. Chiều ngày 10/12/2019 L bán 10 thùng bia trộm cắp được cho bà Võ Thị Kim L được 2.000.000đ; bán 90 cây thuốc lá hiệu Seven cho một người không rõ Li lịch được 3.000.000đ. Số tiền này các bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 12/12/2019, hành vi trộm cắp của các bị cáo bị công an huyện ĐD phát hiện, bắt giữ cùng một số tang vật.

Kết luận định giá tài sản số 60/2019/KL/HĐĐGTS 17/12/2019 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐD kết luận tổng tài sản của bà Linh bị trộm cắp trị giá là 27.425.875đ.

Ngoài ra trong quá trình điều tra còn xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/10/2019, bị cáo L gọi điện rủ các bị cáo Lê Tuấn T1, Hoàng Long P2, Phan Trường T lên địa bàn huyện ĐD tìm nhà người dân có sơ hở để trộm cắp tài sản thì được các bị cáo P2, T, T1 đồng ý. L điều khiển xe ô tô tải BKS 85C-013.91 chở Trường, Phúc, Thọ từ NT đến địa bàn huyện ĐD. Khi đến cửa hàng bán quần áo của ông Nguyễn V ở NĐ, thị trấn TM thì L nhìn thấy khóa cửa nên dừng xe. Lúc này, L và Trường đứng bên ngoài canh giới, Phúc và Thọ xuống xe dùng kim cộng lực cắt ổ khóa cửa quán vào lấy trộm được 01 máy tính bảng hiệu Ipad, 03 áo da nữ và một số quần áo cũ rồi bỏ tài sản trộm được lên thùng xe ô tô. Sau đó, L điều khiển xe chạy về đến đèo Sông Pha kiểm tra tài sản trộm cắp thấy quần áo cũ nên vứt ở đèo (không nhớ vị trí cụ thể). Sau đó, L điều khiển xe ô tô tải chạy về nhà. Ipad trộm được P1 giữ lại để sử dụng cho đến khi bị bắt.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61/2019/KL/HĐĐGTS ngày 19/12/2019 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐD kết luận tổng tài sản của ông Vũ bị trộm cắp trị giá là 2.535.000đ, tổng tài sản của bà L bị trộm cắp trị giá là 27.425.875đ trong đó:

Tổng tài sản mà Phạm Ngọc L tham gia trộm cắp trị giá 29.960.875đ

Tổng tài sản mà Đỗ Trọng Đ, Nguyễn Thế P tham gia trộm cắp trị giá 27.425.875đ

Tổng tài sản mà Lê Tuấn T1, Hoàng Long P2, Phan Trường T tham gia trộm cắp trị giá 2.535.000đ

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSĐD ngày 29/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD đã truy tố các bị cáo Đỗ Trọng Đ, Lê Tuấn T1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; truy tố các bị cáo Phạm Ngọc L, Nguyễn Thế P, Hoàng Long P2, Phan Trường T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Quá trình điều tra, bị hại Trương Thị L khai vào tối 09/12/2019 bị kẻ gian đột nhập lấy mất một số hàng hoá tại tiệm tạp hoá của mình nên đã trình

báo công an. Cơ quan công an đã điều tra thu giữ và hoàn trả lại cho bà một phần tài sản bị mất đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Bà thống nhất với giá trị tài sản bị mất đã được định giá. Bà đã nhận lại một phần tài sản bị mất và nhận của chị A (vợ của bị cáo L) 2.000.000đ và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo. Bà yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại Nguyễn V khai tối 14/10/2019 bị kẻ trộm cắt ổ khoá đột nhập lấy đi một ít quần áo cũ, 03 cái áo da, 01 máy tính bảng Ipad. Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho ông máy tính bảng nói trên. Ông thống nhất với giá trị tài sản bị mất đã được định giá. Hiện ông đã nhận lại máy tính bảng và 2.160.000đ do chị A (vợ của bị cáo L) bồi thường cho các bị cáo và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thúy A khai sau khi được bị cáo L tác động, chị đã bồi thường số tiền 2.000.000đ cho bị hại Linh thay cho bị cáo L và bồi thường số tiền 2.160.000đ thay cho các bị cáo L, Trường, Thọ, Phúc. Chị đã nhận lại của các bị cáo Trường và bị cáo Thọ mỗi người 540.000đ. Số tiền còn lại chị nhận bồi thường thay cho bị cáo L và bị cáo Phúc. Chị không có yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho chị số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị Thùy Tr khai thỉnh thoảng bà có cho con là bị cáo Trường mượn điện thoại di động hiệu Samsung J7 hiện đang bị cơ quan điều tra thu giữ. Điện thoại này bị cáo cũng không dùng để liên lạc với bị cáo L để thực hiện hành vi phạm tội nhưng cơ quan điều tra cũng đã thu giữ. Bà yêu cầu nhận lại điện thoại di động này.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các Điểm o, g khoản 1 Điều 52; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L từ 04 đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù của bản án số 09/2020/HS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh NT với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thế P từ 42 đến 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Long P2 từ 36 đến 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 02 (hai) tù của bản án số 09/2020/HS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh NT với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Trường T từ 36 đến 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Trọng Đ từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, 58, 65; Điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Tuấn T1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Các bị cáo không thắc mắc gì với nội dung bản cáo trạng, khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng nêu. Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Lê Tuấn T1 không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện DD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện DD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Do muốn có tiền tiêu xài, lười lo động nên bị cáo L đã rủ các bị cáo P, Đ lợi dụng sơ hở của người khác, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn V có giá trị 2.535.000 đồng và rủ các bị cáo Trường, Thọ, Phúc trộm cắp tài sản của bị hại Trương Thị L có giá trị 27.425.875đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên và thống nhất với kết luận định giá 61/2019/KL/HĐĐGTS ngày 19/12/2019 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện DD. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, bằng ảnh hiện trường, biên bản đối chất, biên bản định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đỗ Trọng Đ, Lê Tuấn T1 đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; Các bị cáo Phạm Ngọc L, Nguyễn Thế P, Hoàng Long P2, Phan Trường T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện DD truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lo động nên các bị cáo đã lợi dụng sơ hở, lén lút thực

hiện hành vi trộm cắp tài sản và đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Vụ án có nhiều người tham gia nhưng chỉ mang tích chất đồng phạm giản đơn vì giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc và có sự cấu kết chặt chẽ, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo cũng khác nhau nên Hội đồng xét xử cần phân tích vai trò cụ thể đối với từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[3.1] Các bị cáo Phạm Ngọc L, Nguyễn Thế P, Hoàng Long P2, Phan Trường T, Đỗ Trọng Đ đều có nhân thân xấu.

Các bị cáo Phạm Ngọc L, Nguyễn Thế P, Phan Trường T, Hoàng Long P2 đều có tiền án với tình tiết tái phạm nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và là tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3.2] Trong vụ án này, bị cáo Phạm Ngọc L là người trực tiếp rủ rê, lôi kéo và dùng xe ô tô tải chở các bị cáo khác thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của người khác có giá trị 29.960.875đ là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hơn nữa, bị cáo còn rủ rê xúi giục bị cáo Lê Tuấn T1 là người chưa thành niên phạm tội là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự. Chứng tỏ bị cáo rất liều lĩnh, xem thường pháp luật nên Hội đồng xét xử phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo cũng đã tác động chị A bồi thường thiệt hại thay cho các bị hại. Bị hại Trương Thị L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng điểm s, khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, tại bản án số 09/2020/HS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh NT xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật, do đó, hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án trên với hình phạt của bản án này và buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án.

[3.3] Trong vụ trộm tại nhà bị hại Trương Thị L, bị cáo Nguyễn Thế P và bị cáo Đỗ Trọng Đ là người thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm với bị cáo Phạm Ngọc L. Bị cáo P là người trực tiếp thực hiện việc tháo gỡ mắt đọc camera và đóng vai trò cảnh giới, bị cáo Đ cùng với bị cáo L vào tiệm tạp hóa trộm tài sản của bị hại Linh có giá trị 27.425.875đ. Bị cáo P và bị cáo Đ phạm tội không có tình tiết tăng nặng nhưng đều có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần quyết định cho bị cáo P mức án cao hơn bị cáo Đ là phù hợp và phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P và bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội, bị cáo Đ đã ra đầu thú, bị hại Trương Thị L có đơn xin

giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng điểm s, khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3.4] Trong vụ trộm tại nhà bị hại Nguyễn V, các bị cáo Phan Trường T, Hoàng Long P2, Lê Tuấn T1 cũng là người thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm với bị cáo Phạm Ngọc L. Bị cáo Trường cùng bị cáo L ở ngoài xe cảnh giới. Bị cáo Phúc dùng kim cộng lực cắt ổ khóa rồi cùng bị cáo Thọ vào nhà lấy trộm tài sản của bị hại Nguyễn V có giá trị 2.535.000đ. Các bị cáo Phan Trường T, Hoàng Long P2 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tuy phạm tội không có tình tiết tăng nặng nhưng đều có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly hai bị cáo này khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Thọ và bị cáo Phúc đã thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Thọ và bị cáo Phúc đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn V nên được áp dụng thêm điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Ngoài ra, tại bản án số 09/2020/HS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh NT xử phạt bị cáo Hoàng Long P2 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật, do đó, hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án trên với hình phạt của bản án này và buộc bị cáo Phúc phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án.

[3.4] Đối với bị cáo Lê Tuấn T1 bị bị cáo L rủ rê, lôi kéo để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò làm người cảnh giới với tính chất đồng phạm giản đơn, gây thiệt hại không lớn và đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn V. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng điều 91 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ hơn so với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, b, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do vậy cần áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp và không cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà vẫn cần áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự, quyết định cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình bị cáo quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách cũng đủ tính giáo dục, răn đe, đồng thời cũng thể hiện tính chất nhân đạo của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với hành vi của bà Võ Thị Kim L mua tài sản do bị cáo Phạm Ngọc L bán nhưng không biết tài sản này do bị cáo L và các đồng phạm trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Loan là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: các bị hại đã nhận lại phần lớn tài sản bị trộm cắp. Bà Linh đã nhận khoản tiền bồi thường khắc phục hậu quả của bị cáo L 2.000.000đ. Anh V đã nhận khoản tiền 2.160.000đ bồi thường khắc phục hậu quả của các bị cáo L, Trường, Thọ, Phúc.

Chị Nguyễn Thị Thúy A đã nhận lại của ông Lê Văn Tâm (cha của bị cáo Trường) số tiền 540.000đ và nhận của bị cáo Phan Trường T số tiền 540.000đ. Số tiền còn lại, chị A nhận bồi thường thay cho bị cáo L và bị cáo Hoàng Long P2. Chị không có yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả cho chị số tiền chị đã bồi thường thay nên không đề cập đến.

Quá trình điều tra các bị hại không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay các bị hại vắng mặt, nếu sau này có tranh chấp phát sinh đối với các bị cáo sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐD tạm giữ và trả lại cho bị hại Trương Thị L các tài sản đúng như trong quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 17/12/2019 và quyết định xử lý vật chứng và biên bản trả lại đồ vật, tài liệu cùng ngày 17/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ĐD. Sau khi nhận lại các tài sản này, bà Linh không có yêu cầu hay đề nghị gì khác nên không xem xét đến.

Đối với máy tính bảng hiệu Ipad Apple màu bạc đen thu giữ của bị cáo Hoàng Long P2 được xác định là của bị hại Nguyễn V. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Vũ ngày 21/4/2020. Anh Vũ cũng không có yêu cầu gì khác nên không xem xét đến.

Đối với điện thoại di động hiệu Nokia màu đen bên trong có gắn sim số 0798.896.601 và sim số 0903.716.729 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thế P không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo P là phù hợp nên không xem xét đến.

Đối với điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu đen bên trong có gắn sim số 0523.037.110 quá trình điều tra bị cáo Trường cho rằng đây là điện thoại của bà Lê Thị Thùy Tr (là mẹ bị cáo cho bị cáo mượn). Tại phiên tòa, bà Trang thừa nhận đây là điện thoại của bà cho con bị cáo Trường mượn sử dụng. Điện thoại này không liên quan đến việc liên lạc giữa bị cáo L và bị cáo Trường để thực hiện hành vi phạm tội nên cần hoàn trả cho bà Tr điện thoại Samsung GaLxy J7 nói trên.

Đối với xe ô tô tải màu xanh biển kiểm soát 85C-00300, tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thúy A khai là xe của chị. Chị mua xe này cho bị cáo L đi thu mua phế liệu. Hiện tại, chị và bị cáo L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo hợp đồng mua bán xe ô tô công chứng ngày 09/12/2019 thể hiện xe ô tô này do chị A mua của chị Lê Thị Hoàng Ph và anh Trần Văn H. Bị cáo L cũng thừa nhận xe này của chị An, không phải của bị cáo. Do vậy có đủ căn cứ xác định xe ô tô tải này là của chị A. Chị A không biết bị cáo L dùng xe để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên cần trả lại cho chị A xe ô tô này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với xe ô tô tải biển kiểm soát 85C-013.91 có nguồn gốc của ông ông Đoàn Xuân Tài và ông đã bán cho người khác vào năm 2016. Bị cáo cũng thừa nhận xe này là bị cáo mua của người khác. Bị cáo A cũng thừa nhận xe này là của bị cáo L nên đủ cơ sở khẳng định xe ô tô này là của bị cáo L. Trong vụ án này, bị cáo L đã dùng xe ô tô tải này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự cần tịch thu xe ô tô nói trên sung quỹ nhà nước.

Đối với điện thoại di động hiệu Nokia màu đen sử dụng sim số 0797.464.612 bị cáo L thừa nhận dùng để liên lạc rử rử các bị cáo còn lại đi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 cây kim cộng lực màu xanh dài 36cm, 01 kim cộng lực màu xanh đen là công cụ các bị cáo dùng để cắt khóa nhằm thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo L thừa nhận 02 cây kim trên là của bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy giá trị các tài sản này không lớn, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 ổ khóa, phần móc khóa bị cắt hiện nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 mũ lưỡi trai màu ghi, 01 áo khoát màu đen, 01 đôi giày màu xanh đen quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo L xác định là của bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo không yêu cầu nhận lại các tài sản này và xét thấy giá trị các vật này không lớn và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 mũ lưỡi trai màu xanh rêu của bị cáo Nguyễn Thế P, bị cáo không yêu cầu nhận lại và giá trị chiếc mũ này không lớn và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 đôi bao tay màu đen, 02 khẩu trang màu đen tại phiên tòa bị cáo L thừa nhận là của bị cáo dùng khi thu mua phế liệu. Xét thấy tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại và giá trị các tài sản này không lớn và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc L, Phan Trường T, Hoàng Long P2, Đỗ Trọng Đ, Lê Tuấn T1, Nguyễn Thế P phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các Điểm o, g khoản 1 Điều 52; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 56; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Ngọc L.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L 04 (bốn) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù của bản án số 09/2020/HS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh NT

với hình phạt 04 (bốn) năm tù của bản án này. Buộc bị cáo Phạm Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 12 tháng 12 năm 2019).

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thế P.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế P 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 12 tháng 12 năm 2019).

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Long P2.

Xử phạt bị cáo Hoàng Long P2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 12 tháng 12 năm 2019).

Tổng hợp hình phạt 02 (hai) tù của bản án số 09/2020/HS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh NT với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án này. Buộc bị cáo Hoàng Long P2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phan Trường T.

Xử phạt bị cáo Phan Trường T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29 tháng 3 năm 2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đỗ Trọng Đ.

Xử phạt các bị cáo Đỗ Trọng Đ 18 (mười tám) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 03 tháng 02 năm 2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, 58, 65; Điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Tuấn T1.

Xử phạt các bị cáo Lê Tuấn T1 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án (17/8/2020).

Giao bị cáo cho UBND phường PM, thành phố PR, tỉnh NT giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự. trong Thời gian thử thách, nếu người hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã tuyên cho hưởng án treo. trường Hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Phạm Ngọc L, Phan Trường T, Hoàng Long P2, Đỗ Trọng Đ, Nguyễn Thế P để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự;

Trả cho bà Lê Thị Thùy Tr điện thoại di động hiệu Samsung GaLxy J7 màu đen.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thuý A 01 xe ô tô tải màu xanh, biển kiểm soát 85C-003.00.

Tịch thu sung quỹ nhà nước xe ô tô tải biển kiểm soát 85C-013.91 của bị cáo Phạm Ngọc L.

Tịch thu sung quỹ nhà nước điện thoại di động hiệu Nokia màu đen sử dụng sim số 0797.464.612 của bị cáo Phạm Ngọc L.

Tịch thu tiêu huỷ 01 cây kim cộng lực màu xanh dài 36cm, 01 kim cộng lực màu xanh đen, 02 ổ khoá phần móc khoá đã bị cắt.

Tịch thu tiêu huỷ 01 mũ lưỡi trai màu ghi, 01 áo khoát màu đen, 01 đôi giày màu xanh đen, 02 đôi bao tay màu đen, 02 khẩu trang màu đen của bị cáo Phạm Ngọc L.

Tịch thu tiêu huỷ 01 mũ lưỡi trai màu xanh rêu của bị cáo Nguyễn Thế P.

Tất cả những vật chứng nêu trên, Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/6/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ĐD và Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, f Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Ngọc L, Đỗ Trọng Đ, Hoàng Long P2, Nguyễn Thế P, Lê Tuấn T1, Phan Trường T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, riêng những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKSND tỉnh Lâm Đồng ⁽¹⁾
- VKSND huyện ĐD ⁽¹⁾
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng ⁽¹⁾
- Công an huyện ĐD ⁽¹⁾
- Chi cục THA dân sự ĐD ⁽¹⁾
- Bị cáo ⁽¹⁾
- Bị hại ⁽¹⁾
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ⁽¹⁾
- Lưu hồ sơ ⁽¹⁾.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Đình Anh Vũ

